

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 14-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Quách Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hải và bà Hoàng Thị Luyến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà:

Bà Hồ Thị Hương Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 78/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Thị B, sinh ngày: 18-01-1991; tại tỉnh Đắk Nông; Nơi thường trú: Tổ dân phố 04, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Nơi ở hiện tại: Tổ dân phố 05, phường N1, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức H (đã chết) và bà Lương Thị C, sinh năm 1954; bị cáo có chồng Nguyễn Duy Kh, sinh năm: 1990 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố vụ án đến nay; Hiện tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế khu vực G; Địa chỉ: Đường C, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tr – Chức vụ: Chi cục trưởng – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức T; Địa chỉ: Tổ dân phố 03, phường N3, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị B là kế toán nội bộ của Công ty TNHH tư vấn xây dựng M (Viết tắt là Công ty M), ngành nghề kinh doanh chính là xây dựng nhà các loại, địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố 01, phường N2, thành phố G, tỉnh Đắk Nông (được Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400296049 ngày

02-01-2014, do 02 thành viên sáng lập gồm: Ông Nguyễn Đức T làm Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật của Công ty và ông Nguyễn Văn D làm Phó Giám đốc).

Ngày 03-12-2019, Công ty M ký hợp đồng số TN.12/2019/HĐ-XD với Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Th, trụ sở chính tại Đường T, phường Y, quận H, TP. H với nội dung: Công ty M là nhà thầu thi công khu nhà kho xưởng kết hợp văn phòng chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư công nghiệp Th tại Đắc Nông, địa chỉ: xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông, với các hạng mục: nhà văn phòng, nhà kho, nhà xưởng, sân, cổng, tường rào, nhà bảo vệ, giá trị hợp đồng là 7.555.000.000 đồng. Ngày 11-12-2019, Công ty M ký hợp đồng số 08/2019/HĐ-XD với Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện K, tỉnh Đắc Nông để thi công công trình trường THCS B1, địa chỉ: xã B, huyện K, tỉnh Đắc Nông, hạng mục: nhà lớp học gồm 08 phòng, 02 tầng, giá trị hợp đồng là 3.829.770.000 đồng.

Sau khi ký các hợp đồng nêu trên, ông T đã giao khoán phần nhân công các hạng mục của các công trình nêu trên cho ông D thi công, giao cho B theo dõi mua, chi trả vật tư và thực hiện các thủ tục để kê khai thuế với Chi cục thuế khu vực G. Sau đó, ông D đã thuê nhân công trên các địa bàn tỉnh Đắc Nông, Đắc Lắc, Phú Yên; B mua vật liệu xây dựng của một số đại lý trên địa bàn tỉnh Đắc Nông để thi công các hạng mục công trình nhưng không có hóa đơn, chứng từ. Tổng số tiền mà B đã mua vật liệu xây dựng khoảng 333.500.000 đồng, thanh toán tiền nhân công cho ông D là 2.072.480.000 đồng (trong đó, 1.219.800.000 đồng là công trình Khu nhà kho xưởng kết hợp văn phòng chi nhánh công ty Cổ phần đầu tư công nghiệp Th tại Đắc Nông; số tiền 852.000.000 đồng là công trình Trường THCS B1).

Để hợp thức hóa các chi phí nhân công, vật liệu xây dựng của các hạng mục các công trình nêu trên nhằm giảm số thuế giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT) mà Công ty M phải nộp cho Chi cục thuế khu vực G, năm 2020, Phạm Thị B mua 04 hóa đơn giá trị gia tăng không hợp pháp (không) của các Công ty không có hoạt động trên thực tế, cụ thể như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2020, thông qua mối quan hệ trong ngành kế toán, B liên hệ với đối tượng tên Th1 (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua hóa đơn GTGT không cho Công ty M với giá 8% giá trị hàng hóa chưa tính thuế ghi trên hóa đơn. B cung cấp các thông tin về mặt hàng, giá trị hàng hóa cần ghi trong hóa đơn để Th1 cung cấp hóa đơn GTGT, hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng cho B. B và Th1 thống nhất B sẽ trả tiền mua hóa đơn cho T1 theo hình thức đưa tiền trực tiếp khi nhận hóa đơn GTGT. Theo thỏa thuận, ngày 28-4-2020 và ngày 17-11-2020, B đến Ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Đắc Nông và được một đối tượng nam giới (không rõ nhân thân, lai lịch) đưa cho B 02 hóa đơn GTGT, gồm số 0003952 ngày 02-3-2020 và số 0004674 ngày 06-4-2020 của Công ty TNHH Đầu tư thiết kế xây dựng địa ốc L (viết tắt là Công ty L) xuất cho Công ty M với tổng giá trị là 1.507.165.000 đồng; hóa đơn GTGT số 0004601 ngày 09-9-2020 của Công ty TNHH thiết kế đầu tư xây dựng địa ốc N (viết tắt là Công ty N) xuất cho Công ty M với tổng giá trị là 951.885.000 đồng, kèm theo các hợp đồng, biên bản thanh lý giữa Công ty M với các công ty trên. Sau

khi nhận hóa đơn GTGT, B đã trả tiền mua hóa đơn là 178.848.000 đồng cho đối tượng này.

Khoảng tháng 11/2020, B liên hệ với Bạch Xuân Đ để hỏi mua hóa đơn GTGT không, Đ đồng ý bán cho B 01 hóa đơn GTGT với giá 13% giá trị hàng hóa chưa tính thuế ghi trên hóa đơn. Sau đó, B cung cấp các thông tin để Đ ghi hóa đơn, hợp đồng, thanh lý, ... Đến đầu tháng 02/2021, Đ cung cấp cho B 01 hóa đơn GTGT số 0000122 ngày 01-12-2020 của Công ty TNHH TM DV XD B2 (viết tắt là Công ty B2) xuất cho Công ty M với tổng giá trị là 370.420.1126 đồng và Hợp đồng, thanh lý hợp đồng. Sau đó, B đã trả cho Đ số tiền 43.776.924 đồng.

Sau khi nhận được 04 hóa đơn GTGT, các hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, B sử dụng con dấu chữ ký của ông Nguyễn Đức T để đóng vào các hợp đồng, biên bản thanh lý và sử dụng chữ ký số của Công ty M để thực hiện việc kê khai thuế GTGT với Chi cục Thuế khu vực G. Như vậy, Phạm Thị B đã mua tổng 04 hóa đơn GTGT không hợp pháp của các Công ty L, Công ty N và Công ty B2. Tổng giá trị tiền hàng chưa tính thuế ghi trên 04 hóa đơn GTGT là 2.572.245.569 đồng để thực hiện việc kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng với Chi cục Thuế khu vực G nhằm làm giảm số tiền thuế GTGT trong năm 2020 mà Công ty M phải nộp là 257.224.557 đồng.

Tại Bản kết luận giám định ngày 27-8-2024 của Cục thuế tỉnh Đắk Nông kết luận: Tại thời điểm kê khai ban đầu Công ty M đã sử dụng 04 hóa đơn GTGT không để kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, làm giảm số thuế giá trị gia tăng phải nộp, gây thiệt hại cho Nhà nước là 257.224.557 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSDN-P1 ngày 26-12-2024, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo Phạm Thị B về tội “Trốn thuế” theo điểm d khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích nội dung vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội “Trốn thuế” theo điểm d khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Thị B từ 100.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện phối hợp với Công ty M nộp khắc phục toàn bộ số tiền thuế GTGT và tiền nộp chậm thuế vào ngân sách Nhà nước, Chi cục thuế khu vực G không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra (viết tắt là CQCSĐT), phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ pháp lý để kết luận: Từ tháng 04 đến tháng 11/2020, Phạm Thị B là kế toán Công ty M có hành vi mua 04 hóa đơn GTGT không hợp pháp của các Công ty L, Công ty N và Công ty B2 nhằm hợp thức hóa chi phí nhân công, vật liệu xây dựng khi thi công công trình do Công ty M thực hiện để trốn thuế giá trị gia tăng với số tiền là 257.224.557 đồng.

Như vậy, hành vi của Phạm Thị B đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế” theo điểm d khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Điều 200 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây trốn thuế với số tiền từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng hoặc dưới 100.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trốn thuế hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 202, 250, 251, 253, 254, 304, 305, 306, 309 và 311 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

d) Sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hoạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn;

...”

Việc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Phạm Thị B về tội “Trốn thuế” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm chính sách, quy định của Nhà nước về quản lý các loại thuế, xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước trong hoạt động thu thuế, nộp ngân sách cho Nhà nước. Bị cáo có đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần phải xử lý nghiêm tương xứng

với tính chất, mức độ hành vi bị cáo mà đã gây ra nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự nguyện phối hợp với Công ty M nộp khắc phục toàn bộ số tiền thuế GTGT và tiền nộp chậm thuế vào ngân sách Nhà nước; bị cáo có cha ruột được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; được Hội đồng cổ vấn tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng và Huân chương chiến công giải phóng vì đã có thành tích chiến đấu và phục vụ chiến đấu trong chống Mỹ cứu nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông là phù hợp, cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo đã tự nguyện phối hợp với Công ty M nộp khắc phục toàn bộ số tiền thuế GTGT và tiền nộp chậm thuế vào ngân sách Nhà nước, Chi cục thuế khu vực G không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[7] *Những vấn đề khác liên quan đến vụ án*:

Đối với Nguyễn Đức T, Nguyễn Văn D, Từ Thị Kim H là những người có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nhưng kết quả điều tra đã chứng minh được những đối tượng trên không có vai trò đồng phạm trong vụ án nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Bạch Xuân Đ là người bán hóa đơn cho Phạm Thị B đã bị xử lý ở vụ án hình sự khác nên không đề cập xử lý.

Đối với những đối tượng tham gia bán 04 hóa đơn VAT cho bị cáo, CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông đã áp dụng đầy đủ các biện pháp điều tra nhưng chưa chứng minh được nhân thân, lai lịch. Do thời hạn điều tra vụ án đã hết nên CQCSĐT đã tách tài liệu liên quan về hành vi này để tiếp tục điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị B phạm tội “*Trốn thuế*”.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 200; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phạm Thị B 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

Khoản tiền phạt được nộp một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Phạm Thị B phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV 06 ; PC10 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: hồ sơ, Tòa HS, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*đã ký và đóng dấu*)

Quách Trọng Sơn

